

NGHIÊN CỨU TÌNH HÌNH STRESS VÀ NHU CẦU TƯ VẤN TÂM LÝ
TRÊN SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ

Nguyễn Thị Thanh Thảo^{1*}, Châu Liễu Trinh¹, Nguyễn Tấn Đạt¹,
Trương Trần Nguyễn Thảo¹, Lê Trung Hiếu¹, Phạm Trung Tín¹,
Ngô Phan Minh Quyên², Phạm Hồng Nhân³

1. Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

2. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Tháp

3. Công ty TNHH Nghiên cứu và Giáo dục QNQD Healthcare Solutions

*Email: ntthao@ctump.edu.vn

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Stress là vấn đề rất đáng quan tâm, có liên quan trực tiếp về sức khỏe thể chất, tinh thần, đặc biệt ở đối tượng sinh viên. Do đó, nhu cầu tư vấn tâm lý ngày càng trở nên phổ biến. **Mục tiêu nghiên cứu:** 1) Xác định tỷ lệ và mức độ stress của sinh viên Trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2019-2020. 2) Xác định tỷ lệ sinh viên có nhu cầu được tư vấn tâm lý và các yếu tố liên quan của sinh viên Trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2019-2020. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 2515 sinh viên Trường Đại học Y Dược Cần Thơ các khối ngành Y đa khoa, Y học dự phòng, Dược và Điều dưỡng của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ từ tháng 12 năm 2019 đến tháng 12 năm 2020. **Kết quả nghiên cứu:** Tỷ lệ stress của sinh viên Trường Đại học Y Dược Cần Thơ là 69,5%. Trong đó, stress mức độ nhẹ: 51,5%; vừa: 14,7% và nặng: 3,3%. Tỷ lệ nhu cầu được tư vấn tâm lý trên sinh viên chiếm 78,4%. Khi phân tích đa biến đều ghi nhận được mối liên quan giữa giới tính, hoàn cảnh sống chung, tiền sử gia đình mắc bệnh hiểm nghèo, mối quan hệ bạn bè và hàng xóm, tình hình stress với nhu cầu được tư vấn tâm lý trên sinh viên ($p < 0,05$). **Kết luận:** Tỷ lệ sinh viên stress và nhu cầu cần được tư vấn tâm lý chiếm khá cao, với tỷ lệ lần lượt là 69,5% và 78,4%. Cần đẩy mạnh hơn nữa các công tác tư vấn tâm lý, hỗ trợ sinh viên suy nghĩ tích cực để nâng cao sự khỏe mạnh không chỉ ở thể chất và cả tinh thần cho sinh viên.

Từ khóa: Stress, nhu cầu tư vấn tâm lý, sinh viên.

ABSTRACT

STUDY ON THE SITUATION OF STRESS AND PSYCHOLOGICAL
CONSULTANCY DEMANDS TOWARD UNDERGRADUATE STUDENTS
IN CAN THO UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY

Nguyen Thi Thanh Thao¹, Chau Lieu Trinh¹, Nguyen Tan Dat¹,
Truong Tran Nguyen Thao¹, Le Trung Hieu¹, Pham Trung Tin¹,
Ngo Phan Minh Quyen², Pham Hong Nhan³

1. Can Tho University of Medicine and Pharmacy

2. Dong Thap provincial center for disease control

3. QNQD Healthcare Solutions Research Development Education Limited Liability Company

Background: Stress is a rewarding-concerned issue which has related directly with physical and mental health, especially undergraduate students. Therefore, the need of consultancy is becoming increasingly popular. **Objectives:** 1) To determine the proportion and the level of stress in undergraduate students at Can Tho University of Medicine and Pharmacy from 2019 to 2020. 2) To find out the rate's demand of psychological consultancy and some related factors in undergraduate students at Can Tho University of Medicine and Pharmacy from 2019 to 2020. **Materials and methods:** A cross-sectional study was carried out of 2515 respondents who have learned at Can Tho University of Medicine and Pharmacy from December in 2019 to December in 2020. **Results:** The proportion of stress in students was 69.5%. Indeed, the rate of stress with light level: 51.5%; moderate level: 14.7% and severe: 3.3%. The percentage of being consulted in

students occupied 78.4%. When multiple variable analysis recorded the relationship between gender, living conditions, the prehistory family contracting severe diseases, friend and neighbour circles, the stress level and the demand of consultancy in medical students ($p < 0.05$). **Conclusions:** The rate of stress and demand of students being given advice which was comparatively high, 61.8% and 15.9% respectively. It is necessary so as to boost the psychological assignments, assist students getting positive thoughts which aims to enhance well-being physically and mentally.

Keywords: Stress, the demand of psychological consultancy, students.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Stress là một vấn đề quan trọng có liên quan trực tiếp về sức khỏe thể chất, tinh thần. Stress cùng với các tác nhân gây stress luôn hiện hữu trong cuộc sống của con người [13]. Dưới sự phát triển kinh tế, đô thị hóa và hội nhập quốc tế, stress ngày càng phổ biến đặc biệt là trong môi trường giáo dục đại học. Sinh viên là nhóm đối tượng được đánh giá có nguy cơ gặp các vấn đề căng thẳng tâm lý ở mức độ cao do áp lực từ việc học tập, thi cử; những lo toan trong cuộc sống, điều kiện kinh tế; các mối quan hệ bạn bè. Trong khi sinh viên chưa đủ kinh nghiệm xử lý, đối phó với vấn đề khó khăn đang xảy ra. Các nghiên cứu trên sinh viên ở các trường đại học thuộc châu Á có tỷ lệ mắc stress cao: Ở trường đại học Saint Louis Philippines là 52,7%; trường đại học Shifa của Pakistan là 53,3% và ở Malaysia là 46,9% [10], [11], [12]. Tại Việt Nam, các kết quả nghiên cứu ghi nhận tỷ lệ sinh viên mắc stress cũng khá cao. Tỷ lệ sinh viên mắc stress tại Trường Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh là 44,5%; Trường Đại học Y Dược Cần Thơ là 77,6% và sinh viên Trường Cao đẳng Thái Nguyên là 48,5% [4], [5], [8]. Đứng trước tình hình stress ở sinh viên chiếm tỷ lệ ngày càng cao. Tuy vậy, hoạt động tư vấn tâm lý mới phát triển ở Việt Nam trong những năm gần đây, sinh viên chưa được tiếp cận nhiều với các hoạt động này. Trên cơ sở đánh giá nhu cầu được tư vấn tâm lý theo các mức độ khác nhau để từ đó xác định phương hướng tổ chức các hoạt động trợ giúp tâm lý nhằm đáp ứng nhu cầu của sinh viên. Xuất phát từ thực tế trên, chúng tôi tiến hành đề tài “Nghiên cứu tình hình stress và nhu cầu được tư vấn tâm lý của sinh viên Trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2019-2020” với các mục tiêu sau: 1. Xác định tỷ lệ và mức độ stress của sinh viên Trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2019-2020. 2. Tìm hiểu nhu cầu được tư vấn tâm lý và các yếu tố liên quan của sinh viên Trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2019-2020.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu: Sinh viên ngành Y đa khoa, Y học dự phòng, Dược và Điều dưỡng thuộc hệ chính quy của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

- **Tiêu chuẩn chọn vào:** Sinh viên ngành Y đa khoa, Y học dự phòng, Dược và Điều dưỡng hệ chính quy Trường Đại học Y Dược Cần Thơ chấp nhận tham gia nghiên cứu.

- **Tiêu chuẩn loại trừ:** Sinh viên tạm hoãn việc học tập tại thời điểm thu mẫu. Sinh viên không trả lời qua Google biểu mẫu qua 3 lần gửi đường liên kết.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- **Thiết kế nghiên cứu:** Nghiên cứu cắt ngang mô tả có phân tích

- **Cỡ mẫu:**

$$n = \frac{Z_{1-\alpha/2}^2 p(1-p)}{d^2}$$

Với $\alpha = 0,05$, thì $Z_{0,975} = 1,96$, $d = 0,04$. Ta tính được cỡ mẫu của từng khối ngành Điều dưỡng, Y học dự phòng, Y đa khoa và Dược với tỷ lệ lần lượt là $p = 0,32$; $p = 0,445$;

$p = 0,714$ và $p = 0,441$ [1], [4], [6], [8]. Ta tính tổng cỡ mẫu ước tính là 2227 mẫu. Cộng thêm 10% hao hụt trong nghiên cứu, như vậy, cỡ mẫu thực tế là 2450 người.

- **Phương pháp chọn mẫu:** Chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng.

- **Nội dung nghiên cứu:** Sử dụng thang đo Nhận cảm stress (PSS) gồm 10 câu hỏi để đánh giá trong vòng 30 ngày qua. Tổng điểm 10 câu hỏi xác định các mức độ stress: 0-13 điểm: Không có stress; 14-19 điểm: Stress nhẹ; 20-26 điểm: Stress trung bình và 26-40 điểm: Stress nặng. Nhu cầu tư vấn tâm lý khi sinh viên cần hoặc rất cần tư vấn một trong các vấn đề khó khăn tâm lý (học tập, mối quan hệ, phát triển kỹ năng sống, năng lực nghề nghiệp tương lai, điều kiện sống hàng ngày). Yếu tố liên quan nhu cầu tư vấn tâm lý: Giới tính, tình trạng sống chung, tiền sử bệnh tật gia đình, mối quan hệ với hàng xóm, bạn bè, tình hình stress.

- **Phương pháp thu thập số liệu:** Bộ câu hỏi tự điền được thiết kế trả lời qua Google biểu mẫu.

- **Phương pháp xử lý và phân tích số liệu:** Phân tích, xử lý bằng phần mềm SPSS 24.0.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

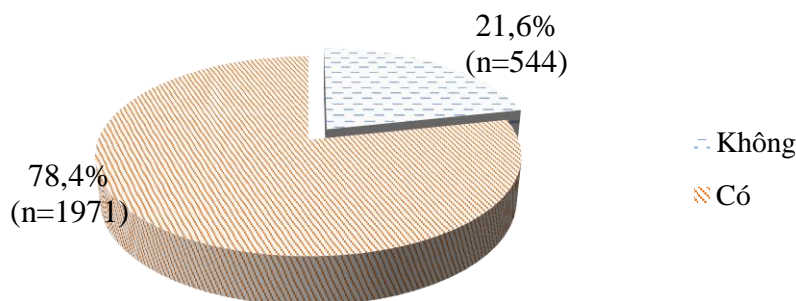
Trong thời gian nghiên cứu, chúng tôi ghi nhận được 2515 sinh viên tham gia nghiên cứu. Trong đó, nữ chiếm 59,7% và nam chiếm 40,3%. Độ tuổi 21-23 chiếm 42,4%; độ tuổi 18-20 chiếm 40,3%; từ 24 tuổi trở lên chiếm 17,3%. Độ tuổi trung bình $21,37 \pm 2,09$. Sinh viên học ngành Y đa khoa chiếm 65,8%; Y học dự phòng chiếm 14,3%; Dược 11,9% và Điều dưỡng 8%. Sinh viên có học lực khá, giỏi chiếm tỷ lệ cao lần lượt là 66,9% và 19,5%. Hiện tại, đa số sinh viên đang ở nhà trọ (83,5%) và ở một mình (46,6%).

3.2. Tình hình stress và nhu cầu cần được tư vấn tâm lý ở sinh viên

Bảng 1. Tình hình stress ở sinh viên theo thang đo PSS (n=2515)

Stress		Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Trung vị 15, nhỏ nhất 7, lớn nhất 36			
Không (điểm cắt < 14)		768	30,5
Có (điểm cắt ≥ 14)	Nhẹ (điểm cắt 14-19)	1293	51,5
	Vừa (điểm cắt 20-25)	370	14,7
	Nặng (điểm cắt 26-40)	84	3,3

Nhận xét: Tỷ lệ stress của sinh viên theo thang đo PSS là khá cao: 69,5%. Trong đó, stress mức độ nhẹ: 51,5%, vừa: 14,7% và nặng: 3,3%.



Biểu đồ 1. Nhu cầu cần được tư vấn tâm lý của sinh viên (n=2515)
 Nhận xét: Tỷ lệ sinh viên có nhu cầu tư vấn tâm lý chiếm đến 78,4%.

3.3. Các yếu tố liên quan với nhu cầu cần được tư vấn tâm lý của sinh viên

Bảng 2. Phân tích hồi quy logistic đa biến giới tính, sống chung với nhu cầu tư vấn tâm lý

Đặc điểm	Phân tích đơn biến		Phân tích đa biến	
	OR (KTC 95%)	p	OR (KTC 95%)	p
Giới tính				
Nam	1,34	0,002	1,33	0,005
Nữ	(1,11-1,63)		(1,09-1,63)	
Tình hình sống chung				
Bạn bè	1	-	1	-
Cha mẹ/ anh chị em ruột	1,48 (1,10-1,97)	0,009	1,59 (1,17-2,15)	0,003
Anh/ chị/ em họ	1,57 (1,12-2,20)	0,009	1,61 (1,14-2,27)	0,007
Ở một mình	1,95 (1,56-2,44)	<0,001	2,04 (1,62-2,57)	<0,001

Nhận xét: Khi phân tích hồi quy logistic đa biến, ta thấy mỗi liên quan có ý nghĩa thống kê giữa giới tính và tình hình sống chung với nhu cầu được tư vấn tâm lý của sinh viên.

Bảng 3. Phân tích hồi quy logistic đa biến tiền sử gia đình, mối quan hệ hàng xóm, bạn bè với nhu cầu tư vấn tâm lý

Đặc điểm	Phân tích đơn biến		Phân tích đa biến	
	OR (KTC 95%)	p	OR (KTC 95%)	p
Tiền sử gia đình mắc bệnh hiểm nghèo				
Có	1,71	0,036	1,87	0,019
Không	(1,03-2,84)		(1,11-3,15)	
Mối quan hệ với hàng xóm				
Bình thường	1	-	-	-
Thân thiện, khăng khít	1,14 (0,82-1,58)	0,454	1,28 (0,91-1,81)	0,158
Mâu thuẫn, tranh cãi	1,99 (0,98-4,02)	0,057	2,10 (1,02-4,32)	0,045
Nhận được sự quan tâm, chia sẻ từ bạn bè				
Có	1,35	0,011	1,40	0,006
Không	(1,07-1,70)		(1,10-1,77)	

Nhận xét: Khi phân tích hồi quy logistic đa biến, ta thấy mỗi liên quan có ý nghĩa thống kê giữa tiền sử gia đình mắc bệnh hiểm nghèo, mối quan hệ hàng xóm và sự quan tâm, chia sẻ của bạn bè với nhu cầu được tư vấn tâm lý của sinh viên.

Bảng 4. Phân tích hồi quy logistic đa biến giữa yếu tố stress với nhu cầu tư vấn tâm lý

Stress	Phân tích đơn biến		Phân tích đa biến	
	OR (KTC 95%)	p	OR (KTC 95%)	p
Không	1	-	1	-
Nhẹ	1,81 (1,46-2,24)	<0,001	1,86 (1,50-2,32)	<0,001
Trung bình	1,33 (0,10-1,78)	0,052	1,37 (1,02-1,85)	0,039
Nặng	1,96 (1,08-3,55)	0,027	1,96 (1,06-3,62)	0,032

Nhận xét: Khi phân tích hồi quy logistic đa biến ta thấy mỗi liên quan có ý nghĩa thống kê giữa mức độ stress với nhu cầu được tư vấn tâm lý của sinh viên.

IV. BÀN LUẬN

4.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Về giới tính, nghiên cứu của chúng tôi có tỷ lệ sinh viên nữ cao hơn sinh viên nam, lần lượt là 59,7% so với 40,3%. Tương tự như các nghiên cứu Đỗ Hoàng Khánh (2020), Đoàn Vương Diễm Khánh và cộng sự (2016) [2], [3]. Độ tuổi trung bình trong nghiên cứu là $21,37 \pm 2,09$. Trong đó, nhóm tuổi 18-20 tuổi và 21-23 tuổi có tỷ lệ gần bằng nhau là 40,3% và 42,4%. Kết quả cho thấy sự tương tự với nghiên cứu của Nguyễn Thành Trung (2017) tại Trường Đại học Y tế công cộng, sinh viên với độ tuổi trung bình là 20,8; tỷ lệ sinh viên trên 20 tuổi chiếm 56,4% và dưới 20 tuổi chiếm 43,6% [7]. Nghiên cứu của Waffa Yousif Abdel Wahed và cộng sự (2017) ở sinh viên Đại học Y khoa Fayoum, Ai Cập cho thấy tuổi trung bình $20,15 \pm 1,9$; nhóm tuổi từ 20-22 có tỷ lệ gần gấp đôi nhóm từ 17-19 (66,1% so với 33,9%) [14]. Đa số, sinh viên đang sống ở nhà trọ (83,5%). Tương tự với Nguyễn Thành Trung (2017) tại Trường Đại học Y tế công cộng, sinh viên thuê trọ ở chiếm tỷ lệ cao nhất [7]. Về tình hình sống chung, do phần lớn sinh viên đang ở trọ nên tỷ lệ sinh viên ở một mình và ở với bạn bè là khá cao (46,6% và 27,4%).

4.2. Tình hình stress và nhu cầu cần được tư vấn tâm lý của sinh viên

Trong nghiên cứu, chúng tôi sử dụng bộ câu hỏi đánh giá cảm nhận stress PSS-10 (Perceived stress scale-10). Kết quả cho thấy, tỷ lệ stress của sinh viên là khá cao, chiếm 69,5%. Trong đó, stress mức độ nhẹ là 51,5%, vừa chiếm 14,7% và nặng chiếm 3,3%. Tương tự nghiên cứu của Phạm Trung Tín (2017) ở sinh viên ngành Y học dự phòng tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ, tỷ lệ sinh viên có stress là 77,6% (nhẹ: 33,6%; trung bình: 34,2%; nặng: 5,8%), tỷ lệ sinh viên không stress là 22,4%; nghiên cứu của Đỗ Hoàng Khánh (2020) tại Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông, tỷ lệ stress mức độ cao là 23,7%, stress mức độ trung bình là 65,7%, stress mức độ thấp là 10,6% [2], [5]. Tuy nhiên, kết quả lại thấp hơn nghiên cứu của Đoàn Vương Diễm Khánh và cộng sự (2016) ở sinh viên khoa Y tế công cộng, Trường Đại học Y Dược Huế, tỷ lệ sinh viên stress cao chiếm 24,9% và 73,7% stress trung bình, nhẹ và chỉ có 1,4% không stress [3]. Sự khác biệt này là do khác nhau về lựa chọn đối tượng nghiên cứu, chương trình học và đặc biệt là sử dụng các thang đo đánh giá stress khác nhau. Nghiên cứu của Aesha Farheen Siddiqui và cộng sự (2017), tỷ lệ stress của sinh viên Y khoa là 66,7% (nhẹ: 23,6%, vừa: 26,6%; nặng: 16,5%) [9].

Tỷ lệ sinh viên có nhu cầu cần được tư vấn tâm lý chiếm đến 78,4% và không có nhu cầu được tư vấn tâm lý là 21,6%. Kết quả này phần nào cho thấy, các trợ giúp về tâm lý là thật sự cần thiết với sinh viên, đặc biệt trong nhóm ngành khoa học sức khỏe. Tuy nhiên, hoạt động tư vấn tâm lý cho sinh viên ở các trường đại học tại nước ta hiện nay chưa thực sự phát triển và quan tâm đúng mức. Chính vì vậy, cần tiến hành nhiều hơn những nghiên cứu cụ thể về nhu cầu tư vấn tâm lý để từ đó hoạch định, tổ chức và thực hiện hoạt động tư vấn một cách hiệu quả nhất để giúp sinh viên vượt qua khó khăn, nâng cao chất lượng sống và thành tích học tập.

4.3. Các yếu tố liên quan với nhu cầu cần được tư vấn tâm lý của sinh viên

Khi phân tích hồi quy logistic đa biến, có 6 yếu tố cuối cùng thực sự liên quan với nhu cầu cần được tư vấn tâm lý có ý nghĩa thống kê. Nghiên cứu cho thấy sinh viên nữ có nhu cầu tư vấn tâm lý cao hơn 1,33 lần so với sinh viên nam ($p < 0,05$). Các nhóm sinh viên ở một mình, ở cùng anh hoặc chị hoặc em họ, ở cùng cha mẹ hoặc anh chị em ruột có nhu cầu tư vấn tâm lý cao hơn sinh viên ở với bạn bè với lần lượt $OR = 2,04$; $OR = 1,61$ và $OR = 1,59$ ($p < 0,05$). Ngoài ra, nghiên cứu cũng cho thấy, sinh viên không nhận được sự quan

tâm, chia sẻ từ bạn bè có nhu cầu tư vấn tâm lý cao hơn sinh viên nhận được sự quan tâm, chia sẻ từ bạn bè với $OR=1,4$ ($p<0,05$). Bên cạnh đó, nghiên cứu nhận thấy sinh viên có mâu thuẫn, tranh cãi với hàng xóm có nhu cầu tư vấn tâm lý cao hơn sinh viên không có mâu thuẫn với $OR=2,1$ ($p<0,05$). Nghiên cứu của Nguyễn Thành Trung (2017) tại Trường Đại học Y tế công cộng cho thấy việc không thường xuyên chia sẻ với bạn thân hay nhóm bạn thân có thể làm tăng nguy cơ stress của sinh viên gấp 2,3 lần so với thường xuyên chia sẻ ($p<0,05$) [7]. Chúng tôi tìm ra được mối liên quan giữa tiền sử mắc bệnh hiểm nghèo của gia đình sinh viên và nhu cầu tư vấn tâm lý với $OR=1,87$ ($p<0,05$). Nghiên cứu của Phạm Trung Tín (2017) ở sinh viên ngành Y học dự phòng tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ, đối với các sự kiện và rắc rối liên quan đến gia đình, sinh viên có người thân mắc bệnh nặng có khả năng stress cao hơn nhóm sinh viên không có người thân mắc bệnh nặng với $OR=1,7$ ($p<0,05$) [5]. Qua phân tích, chúng tôi ghi nhận sinh viên có stress nặng, trung bình và nhẹ có nhu cầu tư vấn tâm lý cao hơn sinh viên không có stress lần lượt với $OR=1,96$; $OR=1,37$ và $OR=1,86$ ($p<0,05$). Kết quả này cho thấy tầm quan trọng của hoạt động tư vấn tâm lý.

Như vậy, qua kết quả khảo sát, yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến tỷ lệ nhu cầu cần được tư vấn tâm lý của sinh viên là giới tính, tình trạng sống chung, tiền sử gia đình mắc bệnh hiểm nghèo, mối quan hệ hàng xóm, sự quan tâm của bạn bè và tình hình stress của sinh viên.

V. KẾT LUẬN

Tỷ lệ stress của sinh viên Trường Đại học Y Dược Cần Thơ chiếm 69,5%. Trong đó, stress mức độ nhẹ: 51,5%, vừa: 14,7% và nặng: 3,3%. Tỷ lệ sinh viên có nhu cầu cần được tư vấn tâm lý chiếm 78,4%. Có 6 yếu tố như giới tính, tình trạng sống chung, tiền sử bệnh hiểm nghèo của gia đình, mối quan hệ hàng xóm, sự quan tâm, chia sẻ từ bạn bè và tình hình stress của sinh viên có mối liên quan có ý nghĩa thống kê với nhu cầu được tư vấn tâm lý ($p<0,05$).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vũ Dũng (2015), Thực trạng stress của sinh viên điều dưỡng năm thứ 2 và 3 Trường đại học Thăng Long năm 2015 và một số yếu tố liên quan, *Kỷ yếu công trình khoa học Trường đại học Thăng Long 2015 – phần II*, tr. 177-189.
2. Đỗ Hoàng Khánh (2020), *Stress và những yếu tố liên quan đến stress ở sinh viên Điều dưỡng năm thứ 2 Trường Cao đẳng y tế Hà Đông năm 2019-2020*, Luận văn Thạc sĩ y học, Trường Đại học Y Hà Nội.
3. Đoàn Vương Diễm Khánh (2016), Stress và các yếu tố liên quan ở sinh viên khoa Y tế công cộng, Trường Đại học Y Dược Huế, *Tạp chí Y Dược học – Trường Đại học Y Dược Huế*, 6(3), tr. 66-72.
4. Lê Hoàng Thanh Nhung (2018), Stress và các yếu tố liên quan ở sinh viên khoa Y tế công cộng Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh, *Tạp chí Y học thực hành*, 1066(1), tr. 50-53.
5. Phạm Trung Tín (2017), *Nghiên cứu tình hình stress và đánh giá kết quả can thiệp ở sinh viên ngành Y học dự phòng tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2016-2017*, Luận văn Thạc sĩ Y tế công cộng, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.
6. Trần Kim Trang (2012), Stress, lo âu và trầm cảm ở sinh viên y khoa, *Tạp chí Y học thành phố Hồ Chí Minh*, 16(1), tr. 356-362.
7. Nguyễn Thành Trung (2017), *Thực trạng stress, lo âu, trầm cảm và các yếu tố liên quan trong sinh viên cử nhân trường đại học Y tế công cộng năm 2017- Khảo sát bằng bộ câu hỏi DASS 21*, Luận văn Thạc sĩ Y tế công cộng, Trường Đại học Y tế công cộng.
8. Lê Hải Yến (2016), Thực trạng stress ở sinh viên Trường Cao đẳng y tế Thái Nguyên năm 2016, *Tạp chí Y học Việt Nam*, 449(12), tr. 134-139.

9. Aesha Farheen Siddiqui, Saad Abdullah Al-Amri, Assaf Abdullah Al-Katheri, Khalid Hussain Mohammed Al-Hassani (2017), Perceived stress in Saudi undergraduate medical students, *Journal of Medical Allied Sciences*, 7(1), pp. 41-47.
10. Ashraf Hussain, Hamza Mustufa Khan, Hania Ahmer, Shahmeer Zafar, Saad bin Altaf, Sajjeel Ahmed, Safura Awais (2021), Effect of parental relationships on stress levels of students in medical college, *Journal of Shifa Tameer-e-Millat University*, 4(1), pp. 39-43.
11. John Anthony A. Domantary (2014), Health-related quality of life of future physicians at a Medical school in the Philippines: A cross-sectional Study, *SAGE*, pp. 1-9.
12. Maher D Fuad, Balsam Mahdi Nasir Al-Zurfi, Mohammed A AbdulQader, Mohammed Faez Abu Bakar, Maged Elnajeh, Mohd Rusli Abdullah (2015), Prevalence and risk factors of stress, anxiety and depression among medical students of a private medical university in Malaysia in 2015, *Education in Medicine Journal*, 7(2), pp. 1-9.
13. Siyu Lu, Fang Wei, Guolin Li (2021), The evolution of the concept of stress and the framework of the stress system, US National Library of Med National Institutes of Health, 5(6), pp. 76-85.
14. Waffa Yousif Abdel Wahed, Safaa Khamis Hassan (2017), Prevalence and associated factors of stress, anxiety and depression among medical Fayoum University students, *Alexandria Journal of Medicine*, 53(2017), pp. 77-84.

(Ngày nhận bài: 17/10/2021 – Ngày duyệt đăng: 10/11/2021)
